

**kho tàng  
lễ hội cổ truyền  
Việt Nam**

*Công trình được xuất bản trong sự hợp tác  
của Tạp chí Văn hóa nghệ thuật và Công ty phát hành  
sách Hà Nội để chào mừng những ngày lễ lớn năm  
2000,  
và hướng tới kỷ niệm ngàn năm Thăng Long*

Mã số  $\frac{V37}{DT - 2000} - 30 - 2000$

Nhiều tác giả

# **Kho tàng lễ hội cổ truyền việt nam**

**Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc  
Tạp chí văn hóa nghệ thuật  
Hà Nội, 2000**

*Ban tuyển chọn:*

- TS Nguyễn Chí Bền (trưởng ban)
- PGS, TS Trần Lâm Biền
- TS Bùi Khởi Giang
- TS Nguyễn Minh San
- TS Đỗ Lai Thúy
- CN Phạm Vũ Dũng
- CN Võ Hoàng Lan
- Nhạc sĩ Nguyễn Thanh Nghị
- *Bìa:* Họa sĩ Trần Quang Vinh
- *ảnh :* Phạm Lự

## Lời giới thiệu

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCHTW Đảng khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể trong sự nghiệp xây dựng văn hoá Việt Nam, trong đó có nhiệm vụ bảo tồn, kế thừa, phát huy các di sản văn hoá, các giá trị văn hoá truyền thống.

Nghiên cứu, sưu tầm, tập hợp, giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp thông qua di sản văn hoá phong phú do cha ông để lại, do đó, là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Từ nhiều năm nay, *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, cơ quan ngôn luận của Bộ Văn hoá Thông tin, đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ này, thể hiện ở việc đăng tải nhiều công trình nghiên cứu khoa học, nhiều bài báo và thông tin đa dạng về văn hoá nghệ thuật, văn hoá dân gian, có tác

dụng thiết thực đối với công cuộc xây dựng đời sống văn hoá ở nước ta. Không chỉ dừng lại ở đó, Tạp chí còn nghiên cứu, tập hợp đề xuất bản được những chuyên luận, những công trình nghiên cứu văn hoá hiện đại và truyền thống, sách phổ cập kiến thức văn hoá... như: *Tìm về bản sắc dân tộc của văn hoá; Văn hoá vì con người; Việt Nam, cái nhìn địa văn hoá; Hỏi và đáp về văn hoá Việt Nam...* kiên trì ý tưởng nghiên cứu vùng văn hoá thể hiện ở các số chuyên đề về văn hoá địa phương, ở các cuốn sách *Văn hoá nghệ thuật Nam Bộ, Văn hoá nghệ thuật Trung Bộ...* Những ấn phẩm khoa học đó đã giúp ích nhiều cho các nhà quản lý văn hoá, các nhà nghiên cứu, các cộng tác viên và bạn đọc đông đảo.

Sự xuất hiện công trình *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam* do Tạp chí Văn hoá nghệ thuật tập hợp, chọn lọc, biên soạn, một lần nữa khẳng định phương châm nghiên cứu và phổ biến khoa học văn hoá của Tạp chí. Đó là đi tìm bản sắc văn hoá Việt Nam, sắc thái các vùng văn hoá được thể hiện ở các đối tượng văn hoá cụ thể, mà lễ hội cổ truyền Việt Nam chỉ là một trong những đối tượng đó.

Chúng tôi cho rằng lễ hội cổ truyền là một hiện tượng trội của văn hoá truyền thống Việt Nam, đã từng được tìm hiểu, phân loại, sưu tập, nghiên cứu khá kỹ lưỡng. Tư liệu công bố và chưa công bố về đối tượng này chắc chắn hết sức đa dạng và phong phú, không chỉ ở số lượng sưu tập được mà còn ở cách tiếp cận, mô tả, tập hợp và hệ thống hoá tư liệu. Chính sự phong phú và đa dạng đó của nguồn tư liệu ít nhiều tạo cho

người đọc cảm giác choáng ngợp hay trùng lặp. Trong bối cảnh đó, sự xuất hiện của *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, với cái nhìn tổng quan về lễ hội cổ truyền, với cách sắp xếp và nhìn nhận lễ hội cổ truyền gắn với vùng văn hoá..., theo ý kiến riêng tôi, đã có được ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhất định, đóng góp có hiệu quả vào việc sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền, văn hoá dân gian và văn hoá dân tộc. ít ra, cho đến nay, đây cũng là sự tập hợp đầy đủ hơn cả về lễ hội cổ truyền Việt Nam.

Các nhà quản lý văn hoá, các nhà khoa học, các nhà sưu tầm nghiên cứu, hoạt động văn hoá, các nhà giáo, các em học sinh và bạn đọc đông đảo, ở vị trí của mình, sẽ tìm thấy trong *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam* những tri thức cần thiết cho bản thân. Chỉ dừng ở đây thôi, thì cũng có thể thấy việc *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật* biên soạn và cho ra

mắt độc giả cuốn *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam* là việc làm đúng đắn và hữu ích.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này với bạn đọc gần xa./.

*Hà Nội, tháng 1 năm 2000*

**Nguyễn Khoa Điềm**

**UVBCHTƯ Đảng**

**Bộ trưởng bộ văn hoá thông tin**

### **Cùng bạn đọc**

*1. Là một hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng, lễ hội cổ truyền Việt Nam có vị thế quan trọng và to lớn trong đời sống xã hội, đời sống văn hoá trước đây cũng như ngày nay.*

*Do vậy, nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu văn hoá, văn hoá dân gian đã sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền. Nhiều ấn phẩm về lễ hội cổ truyền Việt Nam đã được công bố trong những năm qua. Tuy nhiên, một*

cuốn sách có tính chất tổng hợp giới thiệu được toàn cảnh lễ hội cổ truyền Việt Nam, cho đến nay vẫn chưa được ra mắt bạn đọc. Một công trình như thế, sẽ có rất nhiều tác dụng cho việc sưu tầm những lễ hội cổ truyền Việt Nam, cũng như việc tìm hiểu giá trị văn hoá của lễ hội cổ truyền Việt Nam.

Xuất phát từ nhu cầu cấp bách cả về lý luận lẫn thực tiễn ấy mà Tạp chí Văn hoá nghệ thuật chủ trương tập hợp, biên soạn và cho ra mắt bạn đọc công trình **Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam**.

2. Khi thực hiện cuốn sách này, nhóm tuyển chọn có một thuận lợi cơ bản là được kế thừa toàn bộ thành tựu sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền của thế hệ đi trước và những người cùng thời, ở những mức độ khác nhau, ở những không gian, thời gian khác nhau. Những thành tựu này là hết sức cơ bản và to lớn. Dù thế, trước nguồn tư liệu đồ sộ như vậy, nhóm tuyển chọn cũng không tránh khỏi những khó khăn trong thao tác xử lý, sắp xếp đối tượng.

Trong khi xử lý tư liệu, chúng tôi nhận thấy có những hiện tượng:

- Có những lễ hội mới chỉ có một tác giả đề cập đến.
- Cùng một lễ hội có những tác giả viết một cách khác nhau (về góc tiếp cận, về phong cách, về không gian, thời gian lễ hội, về diễn biến nghi lễ, về nhân vật thờ phụng...).
- Có nhiều lễ hội chưa được đề cập tới hoặc được viết một cách sơ sài, song do khả năng có hạn, chúng tôi cũng chưa tập hợp được vào trong sách này. Hy vọng sự thiếu vắng này sẽ được lấp đầy khi có điều kiện về tư liệu và các phương diện khác.
- Đặc biệt, chúng tôi phải nhấn mạnh đến hiện tượng nhiều cách viết, nhiều giọng văn khác nhau khi viết về lễ hội, nghĩa là, có lễ hội được viết dưới góc độ nghiên cứu, có lễ hội được viết với tính chất miêu thuật, có lễ hội lại chỉ được chú ý ở một vài tình tiết...

3. Vì thế, nguyên tắc xử lý của nhóm tuyển chọn như sau:

- Tôn trọng tính khoa học của văn bản tư liệu được kế thừa.
- Thống kê, xử lý, lựa chọn, biên soạn từng lễ hội cổ truyền Việt Nam theo trật tự như sau:

+ *Địa điểm, thời gian tổ chức: thôn, xã, huyện, tỉnh (thành phố), ngày tổ chức, chỉ dẫn đường đi v.v...*

+ *Di tích: miêu tả khái quát di tích, không gian, cảnh quan lễ hội v.v...*

+ *Nhân vật phụng thờ: Thờ chính, phối thờ, lớp văn hoá.. truyền thuyết, sắc phong v.v...*

+ *Diễn biến lễ hội: Nghi thức thờ cúng, trò diễn, rước, vật lễ, trò chơi...*

+ *Giá trị văn hoá của lễ hội: ý nghĩa, các lớp văn hoá, giá trị trong đời sống...*

Trật tự này, khi ứng dụng trong thực tiễn biên soạn cũng chỉ mang tính tương đối vì, thực ra, có những bài viết về một lễ hội nào đó, lại không đáp ứng đầy đủ các mục của trật tự như một mô hình cấu trúc ấy. Cho nên, chúng tôi cũng chỉ coi đây là khung cơ bản biểu hiện quan niệm khoa học của nhóm tuyển chọn, về một mô hình cấu trúc của lễ hội cổ truyền. Việc có những lễ hội không đáp ứng hoàn toàn mô hình này vẫn được tập hợp trong sách được coi là những biệt lệ.

Vì vậy, trong lựa chọn và xử lý, có những lễ hội được sử dụng nguyên vẹn, có lễ hội được biên tập, bổ sung, có khi vài ba bài viết về một lễ hội được gắn kết vào làm một (có chỉ nguồn cụ thể) trên cơ sở tôn trọng tới mức cao nhất văn bản đã có. Đặc biệt, có nhiều lễ hội được ban tuyển chọn viết lại trên cơ sở tư liệu cũ, có nhiều lễ hội được viết mới...

**Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam**, bởi là cuốn sách về lễ hội ở nhiều vùng văn hoá khác nhau, của nhiều tác giả khác nhau ở nhiều thời điểm lịch sử khác nhau, nên sự chấp nhận đa phong cách trong miêu tả và diễn đạt cũng là một lẽ đương nhiên.

4. Cuốn sách được chúng tôi kết cấu như sau:

- Mở đầu là bài viết về Tết. Tách riêng, để trước tất cả các lễ hội cổ truyền, bởi chúng tôi quan niệm Tết “là sự đón mừng năm mới” (Trần Quốc Vượng), là sự mở đầu của mùa lễ hội, từ mùa xuân đến mùa thu và hết năm.

truyền.

- Sau đó, các vùng văn hoá là ranh giới để chúng tôi sắp xếp các lễ hội cổ truyền. Có thể còn nhiều tranh luận về cách phân vùng văn hoá ở Việt Nam, tạm đặt ra ngoài sự tranh luận ấy, chúng tôi lấy các vùng: Tây Bắc- Việt Bắc, châu thổ Bắc Bộ, duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ để sắp xếp các lễ hội cổ truyền. Trong từng vùng như vậy, chúng tôi sắp xếp theo a, b, c của địa danh có lễ hội cổ truyền.

- Đối với các lễ hội thờ cá voi/ cá ông, chúng tôi coi như một ngoại biệt, bởi theo chúng tôi, đây là một loại lễ hội đặc thù của cư dân không thuần túy sống bằng nghề trồng lúa nước, mà sống bằng nghề đánh bắt hải sản, trải dài ven biển từ Bắc vào Nam. Lễ hội thờ cá voi được sắp xếp theo hành trình đó (từ Bắc đến Nam).

Khi làm sách này, nhóm tuyển chọn chỉ ước mong rằng tập hợp được một cách đầy đủ các lễ hội cổ truyền trong di sản văn hoá mà các thế hệ trước để lại, nhằm đem đến cho bạn đọc một cái nhìn tương đối toàn diện về kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam. Tuy nhiên, do hạn chế về tư liệu khảo sát, về thời gian và nhân lực, chúng tôi chưa thể tập hợp được vào sách này toàn bộ lễ hội cổ truyền như chính sự tồn tại của nó trong cuộc sống. Chúng tôi hy vọng rằng công việc cần phải được tiếp tục để tương lai chúng ta có được một **Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam** đầy đủ như sự tồn tại của lễ hội cổ truyền trong cuộc đời.

Dù đã cố gắng hết sức, chúng tôi vẫn ý thức rằng, với một công việc lớn như vậy, cuốn sách không tránh được những thiếu sót. Mong rằng các bậc trí giả, các nhà hiểu biết, đồng đạo bạn đọc, bằng tấm lòng chân thành và độ lượng sẽ góp ý, chỉ bảo để những lần xuất bản sau cuốn sách sẽ tốt hơn./.

**Nhóm tuyển chọn**



## **Tổng quan về kho tàng Lễ hội cổ truyền Việt Nam**

Nguyễn Chí Bền

- 1 -

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, ra đời và phát triển trong xã hội loài người. Ở Việt Nam, lễ hội gắn bó với làng xã như một thành tố không thể thiếu vắng trong đời sống cộng đồng. Là những cư dân nông nghiệp sống với nghề trồng lúa nước, vòng quay của thiên nhiên và mùa vụ tạo ra trong con người những nhu cầu tâm linh mà lễ hội chính là nơi, là cơ hội thỏa mãn nhu cầu tâm linh ấy của họ. Trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam, nếu cây đa, giếng nước, sân đình là những thành tố gắn bó thân thiết với mỗi người từ thuở thiếu thời cho đến lúc già biệt cõi đời thì lễ hội lại là thành tố văn hóa gắn bó không những thân thiết mà vừa thiêng liêng lại vừa mãnh liệt, gần gũi. Lễ hội cổ truyền là một "thời điểm mạnh của sinh hoạt cộng đồng" - chữ dùng của GS. Đinh Gia Khánh - một thành tố có tính chất tổng hợp trong các thành tố: tín ngưỡng, tôn giáo, nghệ thuật biểu diễn dân gian v.v...

- 2 -

Trong số các loại hình của văn hóa dân gian Việt Nam, lễ hội là loại hình được sưu tầm nghiên cứu tương đối muộn màng. Thời kỳ từ thế kỷ thứ X đến năm 1858, các nhà nho chỉ quan tâm ghi chép lại huyền thoại, thần tích về các thần được người dân ở các làng quê thờ phụng mà ít ghi chép sự phụng thờ các vị thần ấy của người dân ở các làng quê. Thực tế, các thành tố: trò diễn, truyền thuyết, di tích v.v... của lễ hội cổ

---

*Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*


---

truyền gắn bó với nhau một cách mật thiết. Suốt dặm dài lịch sử, chắc chắn các thành tố này tồn tại trong một di tích, một lễ hội như một thành tố không thể tách rời. Phải chăng, điều này là do quan niệm của các nhà nho hay do truyền thống của văn hóa Việt Nam. Thành thử, từ *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên<sup>1</sup> đến *Lĩnh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh - Kiều Phú<sup>2</sup> đến *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ<sup>3</sup> đến *Ô châu cận lục* của Dương Văn An<sup>4</sup>, v.v... chỉ ghi chép phần huyền thoại, truyền thuyết liên quan đến các vị thần được các vương triều, các địa phương phụng thờ. Ở một địa hạt khác, khi làm các bộ sách loại chí, thực lục, các nhà nho hay các viên quan trong Quốc sử quán nhà Nguyễn có ghi chép một số dòng về phong tục tập quán. Bút pháp của thể chí, kí, thực lục hay do quan niệm mà các tác giả của các bộ sách như *Đại Nam nhất thống chí*, *Gia Định thành thông chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí* v.v..., chỉ ghi những dòng ngắn gọn đến mức đơn giản về các phong tục, trò chơi, lễ tết của cư dân mỗi vùng mà họ đề cập. Bởi vậy, nếu nhìn nhận một cách nghiêm ngặt, các tác giả trong thời kỳ từ thế kỷ X đến 1858, chưa sưu tầm, nghiên cứu về lễ hội, nhưng nhìn ở từng thành tố, không thể không thừa nhận các tác giả ấy đã có những dòng ghi chép và có thể nói là những dòng ghi chép đầu tiên về lễ hội cổ truyền Việt Nam.

Thời Pháp thuộc, sớm nhất trong các tác giả sưu tầm nghiên cứu về lễ hội cổ truyền Việt Nam phải chăng là G.Dumoutier. Bài viết của ông về lễ hội làng Phù Đổng được in trên *Revue d'histoire des religions* năm 1893, có lẽ là bài nghiên cứu sớm nhất viết về lễ hội cổ truyền Việt Nam. Tác giả đã miêu thuật truyền thuyết và đám rước cùng một lời bình khá sắc sảo: "Cảnh tượng mà chúng tôi chứng kiến... sẽ là một

---

<sup>1</sup> Bản dịch của Trịnh Đình Rư, Đình Gia Khánh hiệu đính, bổ sung, Nxb Văn học tái bản, Hà Nội, 1972.

<sup>2</sup> Bản dịch của Đình Gia Khánh và Nguyễn Ngọc San, Nxb Văn hóa, Viện Văn học, Hà Nội, 1960.

<sup>3</sup> Bản dịch của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Nxb Văn học, Hà Nội, 1972.

<sup>4</sup> Bản dịch của Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên, Nxb KHXH Hà Nội, 1997.

---

*Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*


---

trong những cảnh tượng hấp dẫn mà chúng tôi được xem ở Bắc Kỳ. ở châu Âu cổ kính của chúng ta, thử hỏi dân tộc nào lại hãnh diện là còn được tiến hành kỷ niệm một sự kiện anh hùng của lịch sử mình đã xảy ra từ hai nghìn ba trăm năm trước"<sup>1</sup>.

Những năm đầu thế kỷ XX, việc nghiên cứu Đông Dương, trong đó có Việt Nam, của người Pháp được tăng lên với nhịp độ đáng kể với nguyên cơ như viên toàn quyền Đông Dương P.Doumer từng viết: Muốn cai trị tốt dân tộc thuộc địa thì điều trước hết phải hiểu tường tận dân tộc được cai trị. Lễ hội cổ truyền là một thành tố của văn hóa dân gian được các trí thức người Pháp, có khi là linh mục, có khi là công chức quan tâm nghiên cứu. *Lễ động thổ* của M.J. Przyluski công bố năm 1910 trên BEFEO là một công trình như vậy. Năm 1913, một số trí thức người Pháp tại Huế đã lập nên *Hội đô thành hiếu cổ* (Association des Amis du Vieux Huê) ở Huế. Việc nghiên cứu văn hóa, trong đó có văn hóa dân gian ở Huế, được đẩy mạnh. Trên tờ tạp chí *Những người bạn Huế cổ* (BAVH), từ năm 1914, đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về lễ hội cổ truyền vùng Huế như *Tế Nam giao* của L.Cadière và R.Orbard. Năm 1915, H.Délétie đã có một bài viết khá sinh động và cặn kẽ về nghi thức lên đồng: *Lễ rước sắc thần Thiên Yana ở điện Huệ Nam*. Năm 1916, R.Orbard viết về lịch lễ hội ở Huế mà thực ra là ông miêu tả những lễ tết của cư dân vùng Huế theo thời gian.

Năm 1915, khi viết về phong tục tập quán, Phan Kế Bính cũng dành nhiều trang trong cuốn *Việt Nam phong tục* để viết về việc *Thờ thần, Việc tế tự, nhập tịch, Đại hội, Lễ kỳ an*<sup>2</sup>. Tuy không miêu tả một lễ hội nào cụ thể, nhưng những nhận xét về lễ hội cổ truyền của ông là rất xác đáng. Ví dụ những miêu thuật của ông về đại hội từ mở hội đến sửa sang nơi thờ cúng, luyện tập, rước nước, gia quan, phụng nghênh hội đình v.v...

---

<sup>1</sup> Chuyển dẫn từ Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, *Văn học dân gian*, tập 1, Nxb ĐH và

THCN, Hà Nội, 1972, tr.116 .

<sup>2</sup> Xin xem *Việt Nam phong tục*, tái bản, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1990, từ trang 75 đến tr.109.

---

*Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt am*

---

Năm 1930, không hoàn toàn sưu tầm hay nghiên cứu về lễ hội cổ truyền, Nguyễn Văn Khoan khi nghiên cứu về ngôi đình của người Việt đã dành ba mục: Các buổi cúng tế trong đình, Tục lệ thờ cúng, Một số hèm đặc biệt<sup>1</sup> để đề cập đến phần văn hóa phi vật thể gắn bó với ngôi đình. Chính đây lại là những thành tố của lễ hội cổ truyền gắn bó với môi trường xã hội của văn hóa, nói khác đi tí chút, chính ngôi đình là môi trường diễn xướng, là không gian của lễ hội cổ truyền.

Thành công sớm nhất trong số các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu lễ hội cổ truyền là giáo sư tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền. Ông là người "tiếp thu được nhiều kinh nghiệm của học thuật Pháp và do đó đã để lại những công trình khảo cứu rất có giá trị"<sup>2</sup>. Hai lễ hội cổ truyền được giáo sư tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền dành tâm huyết và nghiên cứu cặn kẽ là lễ hội làng Giá (nay là xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây) và lễ hội làng Phù Đổng (nay thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội). Vừa miêu thuật chi tiết, tỉ mỉ, vừa giải mã những yếu tố của hai lễ hội cổ truyền trên, giáo sư tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền đã dựng lại diện mạo của hai lễ hội làng Giá và Phù Đổng rất trọn vẹn. Cho đến hôm nay và mãi sau này, chắc chắn những miêu thuật, nhận xét của giáo sư tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền về hai lễ hội cổ truyền này sẽ không bị lạc hậu hay phai nhạt giá trị. Xin đơn cử phần ông miêu thuật lễ hội ở làng Giá: *Một lễ hội Lý Phục Man* hàng năm từ sự phân công đến đám rước, đến các lễ lớn: tế và các lời khấn đều được ông miêu thuật rất cặn kẽ. Nguyên nhân đưa đến sự thành công này cũng không đơn thuần chỉ là sự vận dụng một phương pháp mà còn do "Nguyễn Văn Huyền tỏ ra say sưa với đề tài lễ hội và tín ngưỡng truyền thống Việt Nam"<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> Bản dịch chép tay của Trịnh Hữu Ngọc.

<sup>2</sup> Đinh Gia Khánh, bài Về những đóng góp của các nhà nghiên cứu người Pháp trong việc tìm hiểu văn hóa dân gian ở Việt Nam, trong tập *90 năm nghiên cứu về văn hóa và lịch sử Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1993, tr.167.

<sup>3</sup> Hà Văn Tấn, Nhà bác học Nguyễn Văn Huyền với văn hóa Việt Nam, in trong tập *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 1995, tr.13.

Những năm 30-40, trên báo chí công khai hồi ấy, lác đác có một số bài báo viết về các lễ hội, chẳng hạn như Lê Ta (tức Thế Lữ), viết về hội Dóng<sup>1</sup>, Vũ Bằng viết về hội Lim<sup>2</sup>, Nguyễn Duy Kiên viết về hội chùa Thầy<sup>3</sup>, Huy Tân viết về Tục thổi cơm thi ở phiên chợ Chuông<sup>4</sup>, Anh Đạt viết về Thi thả chim ở hội đèn Chèm<sup>5</sup>, Nguyễn Văn Tố viết *Một vài tục cổ về mùa xuân*<sup>6</sup>.

Năm 1938, khi cho ra mắt bạn đọc cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương*, ông Đào Duy Anh có đề cập đến lễ hội cổ truyền trong phần *Tín ngưỡng và tế tự*<sup>7</sup>. Lễ hội không là đối tượng được ông đề cập nhưng những ghi chép của ông vẫn có nhiều tác dụng cho việc nghiên cứu lễ hội của các thế hệ sau. Chẳng hạn, ông nhận xét: "Trong lễ vào đám hay vào hội của ít nhiều làng, có một chi tiết đặc biệt gọi là hèm, người ta thường bày một trò để nhắc lại tính tình sự nghiệp hoặc sinh bình của vị thần làng thờ"<sup>8</sup>.

Bảng đi mấy năm từ 1945 đến 1954, hầu như lễ hội cổ truyền không được chú tâm nghiên cứu, sưu tầm. Lý do chính phải chăng là khói lửa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã khiến cho những lễ hội cổ truyền không được mở, nên việc sưu tầm, nghiên cứu về nó cũng chưa được phát triển.

Từ năm 1954 đến năm 1975, đất nước tạm thời chia cắt, việc sưu tầm, nghiên cứu lễ hội ở hai miền diễn ra khác nhau, cùng phương pháp và động cơ cũng có khác nhau.

ở miền Nam, trên các tạp chí như *Văn hóa nguyệt san*,

*Bách khoa, Phổ thông, Tư tưởng v.v...,* thỉnh thoảng vẫn có những nghiên cứu về lễ hội, lễ tiết v.v... Có thể kể đến các bài

<sup>1</sup> Báo Phong hóa số 99 năm 1934.

<sup>2</sup> An Nam tạp chí số 19 năm 1931.

<sup>3</sup> Trung Bắc chủ nhật số 9 năm 1940

<sup>4</sup> Trung Bắc chủ nhật số 102 năm 1942.

<sup>5</sup> Trung Bắc chủ nhật số 65 năm 1942.

<sup>6</sup> Tạp chí Tri tân năm 1945, số 175-178

<sup>7</sup> Xem *Việt Nam văn hóa sử cương*, tái bản, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr225-244.

<sup>8</sup> Sdd, tr.234.

viết của các tác giả như Bửu Kế với bài : *Lễ tế xuân hay đám rước thần nông* (Bách Khoa, 1961), *Những lễ tết đầu năm* (Bách Khoa, 1961), Đạm Quang với bài viết về hội đền Hùng (*Văn hóa nguyệt san*, 1959), Tạ Thúc Khải viết về giỗ Hùng Vương (*Văn hóa nguyệt san*, 1959), Nguyễn Ngu ý viết về hội mùa xuân với đời sống tinh cảm của Việt Nam (Bách Khoa, 1962), Phong An viết về nghi thức cúng đình (*Hồn nước*, 1971), Thái Bạch viết về kỷ niệm Thánh Gióng (*Văn hóa nguyệt san*, 1960), Thái Văn Kiểm viết về các lễ tiết (*Văn hóa nguyệt san*, 1960), Lê Văn Hào viết về cổ tục của người Việt qua hội mùa (*Đại học*, 1964). Lễ hội của các dân tộc ít người cũng được chú trọng giới thiệu. Lê Hương viết về lễ Ok om bok (*Phổ thông*, 1967), Nguyễn Trắc Dĩ viết về tục thưởng xuân của đồng bào Thượng (Tập san *Sử Địa*, 1967), Nguyễn Bạt Tụy viết về Tết của người Dao Mường (tạp chí *Phương Đông*, 1973). Bên cạnh các tác giả viết về các lễ hội cụ thể, Nguyễn Toại viết một bài nghiên cứu đáng lưu ý về lễ hội cổ truyền đăng trên *Nghiên cứu Việt Nam: Nhớ lại hội hè đình đám*<sup>1</sup>. Tác giả không dừng ở một lễ hội nào cụ thể, mà trình bày những nét khái quát về lễ hội cổ truyền. Tác giả đi từ việc thờ phụng phúc thần và thành hoàng ở các làng quê đến việc tìm hiểu nghi thức cúng tế, trò diễn, trò rước của các lễ hội ở làng quê. Mặc dù tác giả viết rõ đó "là một vài ký ức về đình làng, về hội hè đình đám"<sup>2</sup> nhưng bài

viết vẫn là một bài nghiên cứu đáng quan tâm trong các công trình nghiên cứu về lễ hội cổ truyền ở miền Nam trước năm 1975.

Trong số các tác giả ở miền Nam từ năm 1954 đến năm 1975 sưu tầm nghiên cứu về lễ hội cổ truyền, có hai tác giả đáng lưu ý. Thứ nhất là Nguyễn Đăng Thục. Thật ra, ông không chuyên sưu tầm nghiên cứu về lễ hội cổ truyền mà ông xem lễ hội cổ truyền như một phương tiện để tìm hiểu tư tưởng Việt Nam. Năm 1965, trên *Văn hóa nguyệt san*, ông đã viết về văn

<sup>1</sup> Nhà sùng chính Huế, niên san 1973, tập 1.

<sup>2</sup> Bdd, tr.47.

hóa đình làng, đến năm 1973, trên tạp chí *Tư tưởng*, ông lại trở lại với đề tài này. Sau khi giới thiệu về đình làng thông qua nhận định của các học giả khác, ông đã miêu thuật khá cặn kẽ điện thần của đình làng cũng như hội hè đình đám. Trình tự các nghi thức ở đình làng trong ngày lễ hội được miêu tả khá chi tiết. Ông đã dẫn những ý kiến xác đáng của L.Cadière về tôn giáo tín ngưỡng của người Việt để phân tích các tín ngưỡng gắn liền với các lễ hội. Vẫn nhất quán với cách tiếp cận của mình, khi viết về tư tưởng bình dân Việt Nam trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, ông vẫn dành những trang khá lớn để nói về lễ hội cổ truyền, phục vụ cho sự phân tích tư tưởng bình dân Việt Nam, như *Mùa xuân với đời sống tình cảm Việt Nam*, *Trầy hội hành hương*<sup>1</sup>.

Nếu như Nguyễn Đăng Thục coi lễ hội cổ truyền là phương tiện để ông tiếp cận lịch sử tư tưởng Việt Nam thì Toàn ánh lại coi lễ hội cổ truyền là mục đích tiếp cận, đối tượng miêu tả và nghiên cứu của ông. Sinh ra trên đất Bắc, những năm sống ở miền Nam trước 1975, viết về lễ hội cổ truyền, với Toàn ánh còn như một cơ hội để đánh thức những kỷ niệm xưa cũ

về quê hương của mình, như tác giả đề từ: "Kính dâng anh hồn thân phụ để kỷ niệm những ngày thơ ấu thân phụ thường dắt con đi xem những hội quê tỉnh Bắc"<sup>2</sup>. Năm 1960, trên *Văn đàn tuần san*, ông đã viết về hội hè và phong tục mùa thu. Năm 1969, quyển thượng cuốn *Nếp cũ hội hè đình đám* ra mắt bạn đọc, năm 1974, quyển hạ của cuốn sách này ra mắt bạn đọc. Ngoài những phần khảo cứu, ông tập trung miêu thuật các lễ hội cổ truyền trên mọi miền đất nước. Với 54 lễ hội cổ truyền, *Nếp cũ hội hè đình đám* của ông là bộ sưu tập đầu tiên, dày dặn về lễ hội cổ truyền Việt Nam. Riêng phần khảo cứu, Toan ánh miêu thuật khá cặn kẽ nhiều trò diễn của các lễ hội qua các mục như: hội hè đình đám là gì, mục đích của hội hè đình đám,

<sup>1</sup> Xin xem *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1992, từ trang 122-177.

<sup>2</sup> Quyển thượng, Nam chi tùng thư, xb, S, 1969, quyển hạ, tác giả xb, S, 1974.

thời gian mở hội, rước, tế gia quan, hèm, những trò giải trí v.v...<sup>1</sup>. Ông lại dành chương thứ tư để đề cập các trò diễn của các lễ hội mà ông gọi là *Những đặc tính của các cổ tục*<sup>2</sup> với các mục luyện ái tính, khác với hội hè đình đám, chiến đấu tính v.v... Bởi vậy, có thể nói Toan ánh là người có đóng góp rất lớn vào công việc sưu tầm và nghiên cứu lễ hội cổ truyền Việt Nam.

ở miền Bắc, từ sau năm 1954, việc sưu tầm và nghiên cứu lễ hội cổ truyền có thể chia làm hai giai đoạn: trước và sau năm 1975. Trước năm 1975, việc sưu tầm nghiên cứu lễ hội cổ truyền chưa được giới nghiên cứu quan tâm nghiên cứu. Một phần do chính sự phát triển của đối tượng nghiên cứu. Những năm 1954-1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đòi hỏi chúng ta phải tập trung sức người sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mặt khác, do nhiều tác động của chiến tranh cho nên lễ hội cổ truyền tạm lắng xuống

ượng của chiến tranh, cho nên lễ hội cổ truyền tạm lắng xuống. Phải chăng vì thế mà việc sưu tầm nghiên cứu lễ hội cổ truyền cũng chưa phát triển lắm.

Sớm nhất trong số các công trình sưu tầm nghiên cứu về lễ hội cổ truyền sau 1954 ở miền Bắc, phải kể đến bài viết của cố giáo sư Nguyễn Đồng Chi: Một số tục cổ và trò chơi của người Việt Nam trong Tết nguyên đán và mùa xuân<sup>3</sup>. Người có nhận xét một cách bao quát về lễ hội cổ truyền ở miền Bắc vào thời điểm này là giáo sư Nguyễn Hồng Phong. Tiếp cận từ góc dân tộc học, khi nghiên cứu xã thôn Việt Nam, giáo sư Nguyễn Hồng Phong khi đề cập về sinh hoạt cộng đồng ở xã thôn, đã có những nhận xét về lễ hội cổ truyền<sup>4</sup>. Tác giả nhận xét. "Hội hè ở nông thôn nước ta ngày xưa cũng đều có tính chất vừa giải trí vừa tín ngưỡng. Và ở hội hè nào thì cũng có tính chất giải trí hoặc tín ngưỡng, nhiều hay ít là tùy từng loại. Song dù

<sup>1</sup> Xin xem *Nếp cũ hội hè đình đám* quyển hạ, tác giả xuất bản, S, 1974, từ tr. 9-35.

<sup>2</sup> Sđd, từ tr. 227-344.

<sup>3</sup> Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa số 37, 1958 (từ tr 5-7).

<sup>4</sup> Xin xem *Xã thôn Việt Nam*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1959, từ tr. 201-218.

loại nào thì hội hè cũng có tác dụng giải trí, có nội dung giải trí. Do đó, ý nghĩa của hội hè cũng có khác nhau, có thứ xuất phát từ yêu cầu giải trí như các hội mùa xuân ở nông thôn, có cái thì xuất phát từ yêu cầu tín ngưỡng - cái tín ngưỡng này nói chung là lành mạnh - như hội chùa Keo, hội đền Kiếp Bạc, hội chùa Hương, hội Phủ Giày, hội đền Hùng v.v... tiến hành ngoài phạm vi của từng thôn"<sup>1</sup>. Đó là một nhận xét đúng. Mặt khác, tác giả có phân tích các thành tố của lễ hội từ sinh hoạt và biểu diễn văn nghệ, các trò chơi và chỉ ra các mặt tiêu của hội hè như: "cuốn người nông dân vào những tổ chức tế tự lãng phí rất nhiều thì giờ và tiền của"<sup>2</sup>, về "mặt tinh thần thì ngày hội cũng là một dịp để bọn làm nghề tôn giáo tuyên truyền cho tôn giáo, bọn làm nghề mê tín (đồng bóng, thầy bói, thầy tuồng, xem

bạn làm nghề mộc thì (đong bong... thày bơi, thày tướng, xem thẻ...) tăng cường hoạt động" <sup>3</sup>. Điều đáng lưu ý là tác giả đã nhìn sự tồn tại của lễ hội với các thành tố riêng biệt nên không thấy được sự gắn kết giữa các thành tố với nhau, cũng như các lớp văn hóa lắng đọng trong lễ hội cổ truyền.

Vẫn tiếp cận từ góc độ dân tộc học, các nhà nghiên cứu khi nhìn nhận thời Hùng Vương, đã không quên nghiên cứu về lễ hội thời kỳ này. Trong cuốn *Thời đại Hùng vương* <sup>4</sup>, PGS Lê Văn Lan đã viết một số trang về hội lễ thời kỳ này. Ông miêu tả một cách đơn giản một số trò diễn như tục đánh trống đồng, đánh cồng, múa nhảy và ca hát, giã cối và bơi thuyền và những hoạt động trên sông nước, kể chuyện dân gian theo nghi thức để đi tới nhận xét: "Ngày hội lễ ở thời Hùng Vương như vậy là một dịp sinh hoạt văn hóa tinh thần quan trọng và đặc sắc. Nó gồm có nhiều hình thức phong phú và độc đáo. Đó là những ngày hội làng" <sup>5</sup>. Trong khi đó, viết về Hà Nội, GS Trần Quốc Vượng và nhà nghiên cứu Vũ Tuấn Sán đã viết về

<sup>1</sup> Sdd, tr.203-204.

<sup>2</sup> Sdd, tr.215.

<sup>3</sup> Sdd, tr.216.

<sup>4</sup> Văn Tân, Nguyễn Linh, Lê Văn Lan, Nguyễn Đồng Chi, Hoàng Hưng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, in lần 1 (1973), in lần 2 (1976).

<sup>5</sup> Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1975, từ tr. 259 - 282.

những lễ hội của Hà Nội xưa ở phần 6: sinh hoạt văn hóa ở Thăng Long buổi Lý Trần của cuốn sách *Hà Nội nghìn xưa*. Các tác giả đã trình bày những lễ tiết của Thăng Long buổi ấy và có những kiến giải khá xác đáng: "Tắm tượng, lễ mộc dục, không chỉ dành riêng số tượng Phật mà với cả tượng và bài vị thánh thần... Lễ mộc dục này, dù đã bị Phật giáo hóa và Đạo giáo hóa, vẫn hé mở cho ta thấy cội nguồn xa xưa từ những lễ thức cầu mưa" <sup>1</sup>.

Cũng trước năm 1975, có một tác giả đã trở lại viết về

Cũng trước năm 1975, có một tác giả đã từ tại Việt về hội Gióng, nhưng là ở một góc tiếp cận khác, so với Nguyễn Văn Huyền trước cách mạng tháng Tám. Đó là nhà nghiên cứu đã quá cố Cao Huy Đình với tác phẩm *Người anh hùng làng Dóng*. Quả tình "ở những năm 60, khi mà không ít người nghiên cứu văn học dân gian vẫn còn nhìn folklore ngôn từ bằng con mắt văn học từ góc độ văn học, Cao Huy Đình đã kiên trì một phương pháp làm việc: đặt tác phẩm văn học dân gian vào môi trường nảy sinh ra nó mà khảo sát"<sup>2</sup>. Với phương pháp ấy, Cao Huy Đình đã dành chương III: *Hội Dóng và nghệ thuật diễn xướng anh hùng ca* cho việc nghiên cứu để tìm được "sự chuyển hóa thường xuyên từ nghệ thuật truyện kể sang nghệ thuật diễn xướng" có tính chất tổng hợp và ngược lại<sup>3</sup>. Tác giả đã miêu thuật khá trọn vẹn diễn trình của hội Dóng nhưng để phục vụ cho việc tiếp cận hình tượng người anh hùng làng Dóng của mình.

Sau năm 1975, việc nghiên cứu, sưu tầm về lễ hội cổ truyền như có một bước phát triển mới. Vẫn tiếp cận từ góc độ dân tộc học, Lê Thị Nhâm Tuyết công bố liên tục chùm bài về lễ hội cổ truyền trên tạp chí *Dân tộc học*. Tác giả đi từ vị trí lịch sử của hội làng đến các loại hình của hội làng trước cách mạng tháng Tám năm 1945 và hội làng trung du. Những nhận định

<sup>1</sup> Sdd, tr. 273.

<sup>2</sup> *Các tác gia nghiên cứu văn hóa dân gian*, Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), Nxb KHXH, Hà Nội, 1995, tr. 130.

<sup>3</sup> *Nghiên cứu văn nghệ dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1997, tr 498.

của tác giả là chính xác. Chẳng hạn về địa điểm mở hội: "Hội làng thường lấy đình làm cơ sở. Đây là nơi thờ thành hoàng. Và nhiều người đã nghĩ đến sự đồng nhất giữa hội làng và tín ngưỡng thành hoàng: Hội làng chính là nghi thức biểu đạt quan niệm của dân làng về thần thành hoàng làng. Nhưng có không ít hội làng lại chẳng lấy đình làm nơi mở hội. Ngôi chùa làng

mới là cơ sở của hội làng ở khá nhiều nơi... Và cũng còn nhiều nơi nữa, không dùng đình, cũng không chọn chùa, mà lại lấy đền làm nơi mở hội làng"<sup>1</sup>. Tác giả cũng đưa ra quan niệm về sự phân loại hội làng trước cách mạng tháng Tám năm 1945 của mình. Đồng thời, như chưa bằng lòng ở kết quả nghiên cứu của mình, tác giả viết: 'Chính vì vậy mà vấn đề hội làng cần phải được xem xét với cái nhìn vừa lịch đại (nghiên cứu hội làng trong lịch sử) vừa đồng đại (nghiên cứu loại hình hội làng)"<sup>2</sup>. Sau này, trên *Tạp chí Văn hóa dân gian* (số 1-1984 và số 1/1985), tác giả cô gọn những ý kiến của bản thân đã công bố trên tạp chí *Dân tộc học* bằng tiểu luận: *Nghiên cứu về hội làng của người Việt*. Tác giả đã đi từ quan niệm về hội làng của bản thân để phác họa sự biến đổi của hội làng qua các thời kỳ lịch sử, trên cơ sở ấy mà khẳng định giá trị của hội làng.

Năm 1978, các tác giả Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý công bố cuốn *Quan họ nguồn gốc và quá trình phát triển*<sup>3</sup>. Tiếp cận từ góc độ của folklore học, tác giả Đặng Văn Lung đã miêu thuật một số lễ hội, chủ yếu là các lễ hội liên quan đến quan họ như hội Lim, hội ó, hội Nhồi, hội Bù và các lối hát quan họ như hát trùm đầu, hát cầu đảo, hát hiếu, hát kết chạ, khía cạnh tác giả quan tâm là việc nghiên cứu nguồn gốc và quá trình phát triển của dân ca quan họ mà các lễ hội chỉ là phương tiện để tác giả chứng minh cho lễ hội của mình. Nói khác đi là, lễ hội không là đối tượng nghiên cứu của tác giả trong công trình này.

<sup>1</sup> Tạp chí Dân tộc học số 1-1976, tr.48.

<sup>2</sup> Tạp chí Dân tộc học số 2-1976, tr.23.

<sup>3</sup> Nxb KHXH Hà Nội, 1978.

Năm 1981 trong khuôn khổ của loại sách đất nước, con người, Tô Nguyễn - Trịnh Nguyễn cho ra mắt bạn đọc cuốn

*Kinh Bắc - Hà Bắc*<sup>1</sup>. Các tác giả có dành một chương cho lễ hội cổ truyền ở Hà Bắc với sự phân loại thành 6 loại: loại hội hè liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp cổ truyền; loại hội mùa biểu hiện các hình thức thượng võ; loại hội hè liên quan đến các anh hùng dựng nước, giữ nước và nhân vật lịch sử; loại hội văn hóa; loại hội chùa; và những hội hè tế lễ ở các làng mang màu sắc Đạo giáo. Thực ra, cách phân loại của các tác giả chưa thật khoa học, nhưng những trang viết về hội hè Hà Bắc của các tác giả vẫn là những trang đầu tiên viết về lễ hội cổ truyền ở phạm vi một vùng đất.

Bắt đầu từ những năm 80, tác giả Thu Linh đã có nghiên cứu về lễ hội cổ truyền, Trên tạp chí *Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật*, (số 2-1982), tác giả xác định Hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống. Sau đó, năm 1983, cùng nghiên cứu với tác giả Đặng Văn Lung, chị công bố chuyên luận *Lễ hội truyền thống và hiện đại*<sup>2</sup>. Với sáu chương: Mấy nét về quá trình phát triển của hội (chương 1), Đặc trưng và chức năng của hội (chương 2), Cấu trúc hội (chương 3). Hội và đời sống (chương 4), Hội trong thời đại chúng ta (chương 5), Tìm hiểu phương pháp tổ chức hội (chương 6), hai tác giả Thu Linh và Đặng Văn Lung đã có những đóng góp nhất định vào việc nghiên cứu lễ hội. Bởi lẽ, đây là một trong không nhiều chuyên luận về lễ hội được công bố sớm nhất trong tiến trình sưu tầm, nghiên cứu về lễ hội ở Việt Nam. Đáng tiếc là các tác giả đồng nhất hai phạm trù lễ hội cổ truyền và lễ hội đương đại và nên không tập trung vào giải mã những vấn đề cần giải mã của lễ hội dân gian. Và việc đi tìm một kịch bản cho lễ hội cổ truyền là không sát với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

---

<sup>1</sup> Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1981.

<sup>2</sup> Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1984.

Khác với góc tiếp cận của các tác giả Lê Thị Nhâm Tuyết, Thu Linh và Đặng Văn Lung, kiên trì quan điểm của mình về tên gọi của đối tượng nghiên cứu nghiên cứu là hội lễ, GS Đinh Gia Khánh tiếp cận lễ hội cổ truyền như một thành tố văn hóa dân gian (folklore). Trong loạt bài nghiên cứu về các thành tố: nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật biểu diễn, năm 1982 ông đề cập đến ý nghĩa xã hội và văn hóa của hội lễ văn hóa dân gian <sup>1</sup>. Bốn năm sau khi xuất bản cuốn *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, ông đặt hội lễ dân gian trong tương quan với các thành tố khác như ngữ văn dân gian, nghệ thuật tạo hình dân gian, nghệ thuật biểu diễn dân gian. Phân biệt với các thành tố khác, giáo sư cho rằng hội lễ là "thời điểm mạnh trong sinh hoạt cộng đồng". Phải thừa nhận rằng, đây là ý kiến đã chỉ ra được chính xác đặc trưng lễ hội cổ truyền. Chương viết về lễ hội trong cuốn sách này của giáo sư quả có sức khái quát cao về lễ hội cổ truyền <sup>2</sup>. Cùng với GS Đinh Gia Khánh, trước năm 1975, khi viết về Hà Nội nghìn năm văn hiến, GS Trần Quốc Vượng đã viết về lễ hội cổ truyền. Năm 1978 trên tạp chí *Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật*, ông lại viết về hội hè dân gian với làng quê đổi mới. Năm 1986, trên tạp chí *Văn hóa dân gian*, ông đặt vấn đề tiếp cận lễ hội từ một cái nhìn tổng thể. Ông khẳng định chúng ta "chỉ có khả năng đề cập đến những lễ hội hiện hữu từ thời nông nghiệp" <sup>3</sup> và từ đó đi đến quan niệm: "lễ hội là một sản phẩm và một biểu hiện của một nền văn hóa" <sup>4</sup>.

Trong những năm trước 1980, ngoài những tác giả trên còn có một số tác giả khác viết về lễ hội cổ truyền như Nguyễn Huy Hồng viết về hội chùa Keo (1977), Nguyễn Quốc Lộc viết về hội Hiền (1977), Dương Văn Thâm viết về trò Trám (1974), hội đánh cá Láng Thờ (1976), Nguyễn Hữu Thu viết về hội hát chèo tàu (1975) rồi hội mùa xuân hát thối cơm thi (1982),

<sup>1</sup> Tạp chí Văn hóa dân gian số 1-1985.

<sup>2</sup> Xem *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1989, từ tr. 171-191.

<sup>3</sup> Tạp chí Văn hóa dân gian số 1-1986, tr. 3.

<sup>4</sup> Bđd trang 4.

Nguyễn Khắc Xương viết về một số diễn xướng hội làng về vùng chân núi Hùng (1976) v.v...

Trước năm 1985, nhìn nhận những công trình sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền không thể không đề cập đến những trang miêu thuật về hội làng ở Hà Bắc (nay là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang) của tác giả Trần Linh Quý trong công trình *Địa chí Hà Bắc*<sup>1</sup>. Tác giả đã miêu thuật một cách phác thảo các hội làng ở Hà Bắc từ các trò diễn: rước, thi đốt pháo, thi cướp cầu, ném cầu trong ngày hội đến các tục lệ khác như thi đọc mục lục, hát quan họ v.v... Đây là công trình địa chí sớm nhất trong các công trình địa chí về các tỉnh thành của nước ta được công bố sau năm 1954. Thành ra, những trang viết về lễ hội Hà Bắc cũng là vào loại sớm trong các công trình sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền. Sau năm 1985, tình hình sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền như bùng lên với một luồng sinh khí mới. Lễ hội cổ truyền được khôi phục và phát triển trở lại. Thực tiễn ấy đòi hỏi công tác sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền phải phát triển ở các tạp chí khoa học, sau năm 1985, số lượng các công trình sưu tầm nghiên cứu về lễ hội cổ truyền được công bố tăng rất nhanh.

Nếu trước năm 1985, tạp chí *Nghiên cứu Văn hoá nghệ thuật* (nay là tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*) chỉ có 2 bài viết nghiên cứu về lễ hội cổ truyền thì từ năm 1986 đến năm 1998, tạp chí này đã công bố 66 bài viết nghiên cứu, miêu thuật về lễ hội cổ truyền. Bạn đọc gặp ở đây những bài miêu thuật về lễ hội cổ truyền cụ thể như bài của Trịnh Minh Hiền viết về hội chọi trâu Đồ Sơn, của Vũ Kim Biên về lễ hội đền Hùng xưa, của Nguyễn Đức Minh về lễ hội Long Chu ở Hội An, của Nam Phong - Hữu Bình về lễ hội đầm Ô Loan, của Nguyễn Tú Hải về lễ hội cầu ngư ở Khánh Hoà v.v... Mặt khác, số lượng các bài nghiên cứu về lễ hội cổ truyền cũng được công bố khá

<sup>1</sup> Nhiều tác giả, *Ty Văn hóa và Thông tin, Thư viện tỉnh xuất bản*, 1982, chỉ đạo biên soạn Lê Hồng Dương, từ tr.555-579.

nhieu. Đáng chú ý là những bài viết sâu sắc về lễ hội cổ truyền như bài: *Từ một vài trò diễn trong lễ hội làng* của PGS Nguyễn Từ Chi; bài: *Những giá trị văn hoá của lễ hội cổ truyền và nhu cầu của xã hội hiện đại* của PGS, TS Ngô Đức Thịnh .v.v...

ở tạp chí *Văn hoá dân gian*, từ năm 1983 đến năm 1997<sup>1</sup> có 180 bài viết cả miêu thuật lẫn nghiên cứu về lễ hội cổ truyền được công bố thì số lượng bài công bố sau năm 1985 là 155 bài. Nhiều công trình tập trung miêu thuật lễ hội cụ thể như TS Lê Hồng Lý với Hội Trường Yên và cổ đô Hoa Lư, Nguyễn Thị Hiền với lễ hội đền hoá Dạ Trạch, TS Bùi Xuân Đính với hội chùa Tam Sơn, TS Huỳnh Văn Tới với lễ hội Dinh Cô .v.v... Nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc về lễ hội dân gian được công bố như *Hội lễ dân gian truyền thống trong thời hiện đại* của GS Đinh Gia Khánh, *Phác thảo lịch sử lễ hội của người Việt ở Bắc Bộ* của PGS, TS Nguyễn Xuân Kính .v.v... Năm 1986, cuốn *Địa chí văn hóa dân gian vùng đất tổ*<sup>2</sup> ra mắt bạn đọc. Tác giả Nguyễn Khắc Xương trong chương *Trò diễn hội làng*<sup>3</sup>, tác giả Lê Trung Vũ và Nguyễn Lợi trong chương *Lễ thức trong sinh hoạt xã hội và gia đình*<sup>4</sup> đã phác họa những nét chính của lễ hội cổ truyền ở Vĩnh Phú. Không dừng lại miêu thuật một lễ hội nào trọn vẹn mà các tác giả miêu thuật các loại trò diễn trong các lễ hội cổ truyền. Ấu đó cũng là một đóng góp đáng quý.

Cũng thời điểm này, ngành văn hóa thông tin Hà Bắc tổ chức một cuộc hội thảo khoa học về lễ hội cổ truyền Hà Bắc vào ngày 11-11-1986. Hội thảo đã thu hút các nhà nghiên cứu như GS Đặng Nghiêm Vạn, PGS Lê Trung Vũ, PGS, TSKH Phan Đăng Nhật, PGS, TS Phan Khanh, các TS Trần Đình Luyện, Lê Hồng Lý, Lê Văn Kỳ, các cán bộ nghiệp vụ ở địa

<sup>1</sup> Theo thống kê của tạp chí Văn hoá dân gian các năm 1983 - 1992, 1993 - 1994, 1995, 1996 - 1997.

<sup>2</sup> Chủ biên Ngô Quang Nam, Xuân Thiêm, Sở Văn hoá Thông tin Vĩnh Phú, 1986.

<sup>3</sup> Sđd từ tr. 211 - 256.

<sup>4</sup> Sđd, từ tr. 267 - 300.

---

*Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*

---

phương như Nguyễn Quang Khải, Trần Thái v.v... Nội dung của cuộc hội thảo không chỉ dừng lại những vấn đề về lễ hội cổ truyền Hà Bắc mà còn mở rộng đến các vấn đề như quan niệm và thực tế ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, về công tác, tổ chức, chỉ đạo và quản lý các ngày hội trong giai đoạn hiện nay. Đáng tiếc, có lẽ do thời gian chuẩn bị chưa cặn kẽ nên các tham luận chưa phải là sâu sắc. Dầu vậy, nối tiếp công việc ấy, năm 1989, Sở Văn hóa Thông tin Hà Bắc lại xuất bản cuốn *Hội xứ Bắc* (tập II) với việc miêu thuật ba lễ hội: hội Lim, hội pháo Đồng Kỵ, hội làng Đình Bảng. Thực ra, so với một vùng đất từng là trung tâm sinh tụ của người Việt, việc miêu thuật các lễ hội ở Hà Bắc thực ra còn quá ít ỏi, chưa phản ánh đúng diện mạo của lễ hội cổ truyền nơi đây.

Năm 1988, nhà xuất bản Văn hóa dân tộc cho ra mắt bạn đọc cuốn *Lễ hội Khơ me Nam Bộ* của tác giả Sôrya. Tác giả đã miêu thuật lễ hội Chol Chnam thmây, lễ Oc Omboc và ngày hội đua ghe ngo, lễ cưới, lễ Đôn ta và lễ tang. Mặc dù tác giả chưa có sự giải mã hay nghiên cứu mà chỉ dừng ở mức độ miêu thuật, nhưng đến nay, đây vẫn là tác phẩm duy nhất miêu thuật lễ hội cổ truyền Khơ me Nam Bộ.

Năm 1988, tác giả Tôn Thất Bình cho công bố những sưu tập của mình về lễ hội dân gian Bình Trị Thiên. Ngoài tiểu luận *Vài nét về văn nghệ dân tộc Bình Trị Thiên*<sup>1</sup>, tác giả đã miêu thuật 8 lễ hội dân gian ở Bình Trị Thiên<sup>2</sup>. Đáng tiếc là tác giả không phân định các hình thức diễn xướng dân gian và lễ hội cổ truyền. Thành thử đóng góp của công trình vào tiến trình sưu tầm, nghiên cứu lễ hội cổ truyền chưa được là bao.

Năm 1989, nhà xuất bản Thể dục thể thao xuất bản cuốn *Trò chơi xưa và nay*<sup>3</sup>. Nhìn các trò diễn của các lễ hội trong diện mạo trò chơi dân gian Việt Nam, các tác giả đã miêu thuật

---

<sup>1</sup> Sở Văn hóa Thông tin Bình Trị Thiên, từ tr. 9-39.

<sup>2</sup> Sđd từ tr. 40-160.

<sup>3</sup> Chủ biên Mai Văn Muôn, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, tập I, 1989.

---

*Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*

---

khá nhiều trò diễn trong lễ hội cổ truyền Việt Nam như trò chen (Nga Hoàng, Hà Bắc), trò bắt chạch trong chum v.v... Lần đầu tiên, lịch lễ hội cổ truyền ở một số địa phương đã được các tác giả sắp xếp và hoàn chỉnh với các thông tin, tên hội, huyện, tỉnh và các trò đặc sắc.

Năm 1990, Văn phòng Ban nếp sống mới trung ương tổ chức xuất bản cuốn *Hội hè Việt Nam*<sup>1</sup>. Ngoài lời mở đầu, lịch hội Việt Nam, du lịch và hội hè Việt Nam, tập sách miêu thuật 18 lễ hội cổ truyền, trong đó có 16 lễ hội phía Bắc, 2 lễ hội phía Nam cùng bài viết những phong tục đẹp và hội hè của một số dân tộc ít người. Việc miêu thuật của các tác giả, thật ra không có gì mới mẻ về mặt tư liệu so với các thế hệ trước đã miêu thuật.

Năm 1991, Sở Văn hóa Thông tin Thái Bình, xuất bản cuốn *Hội lễ dân gian ở Thái Bình* của các tác giả Phạm Minh Đức, Phạm Thị Nết, Phạm Thị Lan, cuốn sách có hai phần: phần một là bài viết *Những ghi nhận bước đầu về hội lễ dân gian ở Thái Bình* và phần hai là 17 bài miêu thuật về 17 lễ hội ở Thái Bình cùng phần ba là lịch hội Thái Bình. Có thể nói, Thái Bình là tỉnh đầu tiên ở châu thổ Bắc Bộ có được một tập sách miêu thuật các lễ hội cổ truyền trong tỉnh. Mặc dầu so với tiềm năng lễ hội cổ truyền của tỉnh còn khá nhiều lễ hội cổ truyền khác nữa. Với con số thống kê của tác giả Nguyễn Thanh, Thái Bình có 49 lễ hội cổ truyền<sup>2</sup>, thì 17 lễ hội cổ truyền được miêu tả quả là chưa đầy đủ.

Trong khi đó, năm 1991, sở Khoa học công nghệ và môi trường Hà Nội cho thực hiện đề tài khai thác những yếu tố tích cực, hạn chế các yếu tố tiêu cực của lễ hội dân gian truyền thống, định hướng một mô hình lễ hội hiện đại ứng dụng thể nghiệm vào tình hình lễ hội hiện nay đang được phục hồi nhanh chóng ở thủ đô Hà Nội do ông Nguyễn Vinh Phúc làm chủ

<sup>1</sup> Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1990.<sup>2</sup> Xem *Nhận diện văn hóa làng Thái Bình*, Sở VHITT và TT Thái Bình, 1998, từ tr. 186-200.*Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*

nhệm đề tài. Do địa giới Hà Nội hồi ấy nên các tác giả miêu thuật 8 lễ hội, mà đến nay, có những lễ hội thuộc về Hà Tây hay Vĩnh Phúc. Bài tổng luận của đề tài này của hai tác giả Nguyễn Vinh Phúc và Lê Văn Lan sau này được xuất bản trong cuốn *Tìm hiểu di sản văn hóa dân gian Hà Nội* <sup>1</sup> cùng bài viết về Hội Gióng của GS Trần Quốc Vượng: *Căn bản triết lý người anh hùng Phù Đổng và hội Gióng* <sup>2</sup>.

Cũng năm 1991, công trình *Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*, do GS Đinh Gia Khánh và ông Trần Tiến chủ biên được ra mắt bạn đọc. Mặc dù công trình không dành một chương để viết về lễ hội dân gian, nhưng ở chương *Trò chơi và trò diễn dân gian*, các tác giả có dành một mục để viết về các hội thi tài của người dân Thăng Long mà các tác giả xếp vào mục Trò chơi dân gian. Cũng ở chương này, tác giả lại dành một mục để viết về các trò diễn dân gian, trong đó có các trò: rước thần An Dương Vương, diễn trận Thánh Gióng diệt giặc Ân, rước thánh Trèm. Ngoài ra, trong chương *Lễ thức và phong tục*, các tác giả có một mục những lễ hội dân gian với việc miêu thuật 30 lễ hội trên địa bàn Hà Nội. Thực ra, con số này bao hàm cả những lễ hội mà theo địa giới hiện nay không còn thuộc Hà Nội nữa, cho nên chưa thể nói rằng con số ấy đã là tất cả các lễ hội cổ truyền Hà Nội.

Năm 1991, các tác giả Ngô Đức Thịnh, Đỗ Hồng Kỳ, Tô Đông Hải đã hoàn thành công trình khoa học *Văn hoá dân gian M'Nông* do PGS, TS Ngô Đức Thịnh làm chủ biên. Chương *Lễ hội dân gian M'Nông* <sup>3</sup> của cuốn sách này do tác giả Tô Đông Hải đảm nhận. Tác giả đã từ hệ thống thần linh và những quan niệm tín ngưỡng của người M'Nông mà đề cập đến những hệ thống lễ nghi, lễ nghi nông nghiệp, lễ nghi vùng đồi núi, nghi

thông lệ nghi lễ nghi nông nghiệp, lệ nghi vòng đời người, nghi lễ gia đình và nghi lễ cộng đồng. Việc miêu thuật của tác giả thì

<sup>1</sup> Nxb Hà Nội, 1994.

<sup>2</sup> Sdd, tr. 203-225.

<sup>3</sup> Sở Văn hoá Thông tin Đắk Lắk, in lần 2, 1995

khá cặn kẽ, nhưng việc giải mã giá trị văn hóa của lễ hội ở đây thì đáng tiếc, tác giả chưa làm được là bao.

Năm 1992 có thể nói là năm đánh dấu những cột mốc trên tiến trình nghiên cứu lễ hội cổ truyền. Sau hai năm 1990 - 1991 biên soạn, năm 1992, công trình *Lễ hội cổ truyền của người Việt ở Bắc Bộ*<sup>1</sup> do PGS Lê Trung Vũ làm chủ biên ra mắt bạn đọc. Công trình thu hút trí tuệ của các nhà khoa học như PGS, TS Ngô Đức Thịnh, PGS, TSKH Phan Đăng Nhật, PGS, TS Nguyễn Xuân Kính cùng TS Lê Văn Kỳ với 367 trang khổ 13 x 19 cm, các tác giả đã trình bày khá cặn kẽ về các vấn đề của lễ hội cổ truyền từ vị trí của lễ hội trong đời sống tinh thần của người Việt, môi trường tự nhiên, xã hội lịch sử của sự hình thành lễ hội, lịch sử lễ hội của người Việt ở Bắc Bộ, đến nội dung phản ánh của hội làng, cùng việc miêu thuật 9 lễ hội ở châu thổ Bắc Bộ và lịch một số lễ hội cổ truyền của người Việt ở Việt Nam.

Trong lĩnh vực nghiên cứu về lễ hội cổ truyền, công trình này là công trình nghiên cứu đầu tiên đã trình bày một cách đầy đủ, trọn vẹn, khoa học về lễ hội cổ truyền, tuy rằng các tác giả giới hạn địa bàn nghiên cứu của mình là châu thổ Bắc Bộ. Nói cách khác, đây là một cột mốc mà các nhà nghiên cứu ở Viện nghiên cứu văn hóa dân gian đã cắm được trên đường nghiên cứu về lễ hội cổ truyền, một cột mốc mà không phải ai cũng dễ dàng cắm được.

Công trình thứ hai được xuất bản trong năm 1992 là

Cong trình này nay được xuất bản trong năm 1992 là cuốn *Bảo tàng di tích lễ hội*<sup>2</sup>. Vốn là một luận án phó tiến sĩ được in thành sách, tác giả dành 5 chương và một phụ lục để tiếp cận vấn đề: chương 1 là chương khái quát sử liệu và vấn đề đặt ra; chương 2 là chương Bảo tàng với khoa học và di sản văn hóa dân tộc; chương 3 là chương một số vấn đề lý luận,

<sup>1</sup> Nxb, KHXH, Hà Nội, 1992.

<sup>2</sup> Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1992. Tên sách trang bìa lót lại là: Bảo tàng - di tích - lễ hội, vấn đề bảo vệ di sản văn hóa dân tộc.

thực tiễn bảo tàng di tích nước ta; chương 4 là chương Di tích, lễ hội và cuộc sống. Chương 5 là các kịch bản lễ hội. Ngoài ra là phụ lục: danh sách di tích lịch sử văn hóa, các lịch lễ hội trong năm. Như vậy, lễ hội được tác giả dành cho một chương, nhưng tác giả chỉ đề cập nó trong mối quan hệ với di tích và vấn đề xây dựng nghi lễ, nghi thức cũng như kịch bản lễ hội ở các di tích lịch sử. Đáng chú ý là các kịch bản lễ hội mà tác giả đưa ra trong phần phụ lục. Các kịch bản này, đã được thực thi trong cuộc sống, nhưng nó không là kịch bản có tính chất mẫu mực của các lễ hội cổ truyền.

Cũng năm 1992, tác giả Sơn Nam công bố một cuốn sách mỏng với nhan đề *Đình miếu và lễ hội dân gian*<sup>1</sup>. Thực ra lĩnh vực này không phải là quen thuộc với nhà văn biên khảo Sơn Nam. Với hơn 60 trang sách khổ 13 x 19, tác giả chia cuốn sách của mình thành tám chương, cùng một phụ lục *Đình miếu ở đồng bằng sông Cửu Long* của tác giả Trương Ngọc Tường, để giải quyết vấn đề theo kiểu biên khảo. So với những bút ký biên khảo của ông như *Hương rừng Cà Mau*, *Văn minh miệt vườn*, *Đồng bằng sông Cửu Long*, *những nét sinh hoạt xưa* v.v..., hình như lĩnh vực này không phải là sở trường của ông nên cuốn sách thật ra chưa đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu và những điều tác giả trình bày, thực ra, chưa có gì mới mẻ

nếu không muốn nói là sơ sài về lễ hội dân gian.

Năm 1993, các tác giả Phan Hữu Dật, Lê Ngọc Thắng, Lê Sĩ Giáo, Lâm Bá Nam công bố cuốn *Lễ cầu mùa của các dân tộc ở Việt Nam*<sup>2</sup>. Đây vốn là kết quả của một công trình khoa học cấp Bộ đã được nghiệm thu và đánh giá tốt do Trung tâm châu á - Thái Bình Dương của trường Đại học tổng hợp Hà Nội chủ trì, có sự hợp tác chặt chẽ của bộ môn dân tộc thuộc khoa lịch sử của trường.

<sup>1</sup> Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1992

<sup>2</sup> Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1993.

Các tác giả đã đề cập đến tục cầu mùa của người Kinh, của vùng Việt Bắc - Đông Bắc, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ cùng vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, dù là những nét phác thảo, nhưng tương đối bao quát về lễ cầu mùa của các dân nông nghiệp ở các vùng trên.

Năm 1993, nhằm để chuẩn bị cho một qui chế lễ hội mới, phù hợp với sự bùng nổ của lễ hội cổ truyền, thay thế qui chế mở hội truyền thống ban hành kèm theo quyết định 54/VHQC ngày 4-10-1989 của Bộ Văn hóa - Thông tin, Vụ Văn hóa quần chúng và Thư viện, thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin đã mở hội thảo về lễ hội từ ngày 27 đến 29-6-1993 tại Hà Nội. Tại hội nghị, các nhà quản lý và các nhà khoa học "đã bày tỏ và trao đổi khá sôi nổi về nhiều khía cạnh khác nhau trong việc quản lý lễ hội, cũng như các điều nên giữ, nên bỏ, thậm chí phải cấm đoán khi tiến hành lễ hội"<sup>1</sup>. Và ngày 21-5-1994, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin đã ký quyết định số 636/QĐ-QC ban hành *Qui chế lễ hội*. Cũng năm 1993, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội tổ chức hội thảo khoa học về lễ hội cổ truyền với 38 tham luận tham gia hội thảo. Một số đặc điểm của lễ hội Hà Nội. cũng như

một số vấn đề lý luận chung về lễ hội cùng thực tiễn một số lễ hội Hà Nội đã được đề cập.

Cũng năm 1993, Viện khoa học xã hội Việt Nam đã tổ chức hội thảo quốc tế "Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại". Với sự có mặt của 11 nhà khoa học nước ngoài, 25 nhà khoa học trong nước cùng 6 khách mời, hội thảo đã đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau xung quanh lễ hội cổ truyền và hiện đại Việt Nam và các nước Ấn Độ, Philippin, Thái Lan, Trung Quốc, v.v... Có thể nói rằng, so với công trình *Lễ hội cổ truyền* của Viện nghiên cứu văn hóa dân gian được xuất bản năm 1992, hội thảo này là một cột mốc nữa mà giới nghiên cứu văn hóa dân gian đã đạt được ở lĩnh vực nghiên cứu lễ hội cổ truyền, với nhiều kiến giải khoa học sâu sắc.

<sup>1</sup> Kỷ yếu hội nghị - hội thảo về lễ hội, Vụ VHQC và TV, Hà Nội, 1993, tr. 5.

Năm 1993, lần đầu tiên bạn đọc được tiếp nhận cuốn *Từ điển hội lễ Việt Nam* của tác giả Bùi Thiết<sup>1</sup>. Với 403 lễ hội được giới thiệu trong các mục từ, cuốn sách là một tập hợp đầu tiên về lễ hội cổ truyền đã được giới thiệu tóm tắt. Giả như tác giả khảo sát điền dã cận kề hơn các lễ hội cổ truyền, chịu khó đối chứng tư liệu để xác lập được các thông tin đúng thì cuốn sách sẽ là một cuốn sách có giá trị về lễ hội cổ truyền Việt Nam. Rất tiếc, tác giả chưa làm được điều ấy! Thành ra, giá trị khoa học của cuốn sách không khỏi bị ảnh hưởng ít nhiều.

Năm 1995, sau một thời gian dài nghiên cứu và sửa chữa nhiều lần, công trình *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh*<sup>2</sup> do GS Nguyễn Đồng Chi làm chủ biên được công bố. Dưới mục Hội diễn dân gian, PGS Vũ Ngọc Khánh đề cập đến lễ hội dân gian với các loại: hội diễn nghề nghiệp, hội diễn kỷ niệm với 17 lễ hội ở Nghệ Tĩnh. Các lễ hội này, được miêu thuật

trong khuôn khổ của một công trình dạng chi, là cứ liệu, chi đạo rất tốt cho những ai muốn nghiên cứu, sưu tầm lễ hội cổ truyền ở đây sau này.

Năm 1995, TS Ngô Văn Doanh đã công bố công trình *Lễ hội bỏ mả (pơ thi) các dân tộc bắc Tây Nguyên (dân tộc Giarai - Bana)*. Có thể nói, đây là công trình đầu tiên về lễ hội cổ truyền của hai dân tộc Bana, Giarai ở Tây Nguyên. Thế nhưng, đây lại là kết quả của một quá trình khảo sát điền dã chu đáo, tỉ mỉ và khoa học của tác giả. Mặt khác, sự giới hạn vấn đề trong phạm vi lễ bỏ mả khiến cho tác giả có điều kiện đi sâu vào từng vấn đề của lễ hội này từ việc phân tích *lễ bỏ mả - đỉnh điểm của mùa lễ hội*, rồi *cái chết được hồi sinh, người sống được giải phóng, những ngày hội diễn của nghệ thuật truyền thống*, rồi trình bày những giá trị độc đáo của lễ bỏ mả: *từ bữa ăn, lời cúng, đến tượng mồ, nhà mồ*. Công trình còn dừng lại miêu thuật lễ bỏ mả của các nhóm nhỏ của hai tộc người Bana,

---

<sup>1</sup> Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1993

<sup>2</sup> Nxb Nghệ An, Vinh, 1995. Quá trình biên soạn và sửa chữa này xin xem: Về việc biên soạn Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh từ tr. 7 đến tr 8.

































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































































- Share
- Email
- 
- 

- [Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam \(2\)](#) [Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam \(2\) by Pham Viet Long 695 views](#)
- [Toàn cảnh văn hóa, thể thao và du lịch Việt Nam](#) [Toàn cảnh văn hóa, thể thao và du lịch... by Pham Viet Long 306 views](#)
- [Diễn đàn văn nghệ Việt Nam - Số 12-2015](#) [Diễn đàn văn nghệ Việt Nam - Số 12-... by Pham Viet Long 225 views](#)
- [Văn hiến Việt Nam - Chuyên đề Kinh Bắc](#) [Văn hiến Việt Nam - Chuyên đề Kinh ... by Pham Viet Long 322 views](#)
- [Toàn cảnh văn hóa, thể thao và du lịch Việt Nam](#) [Toàn cảnh văn hóa, thể thao và du lịch... by Pham Viet Long 227 views](#)
- [Văn hiến Hà Nam - Phần một](#) [Văn hiến Hà Nam - Phần một, by Pham Viet Long 421 views](#)